TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **284**/2020/DS-PT
Ngày: 25/9/2020
V/v: tranh chấp di sản thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận
Cùng các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của
Ông Lê Minh Đạt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2020/TLPT-DS ngày 27/8/2020 về tranh chấp di sản thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 201/2020/QĐ-PT ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị K, sinh năm 1929 (chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị K:

1. Ông Lê Văn A, sinh năm 1955 (chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn A:

- Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1982.
- Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1984.
- Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: số nhà 573/3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng P, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng T: Ông Trần Minh T1, sinh năm 1945; địa chỉ: số nhà 367D, ấp 4, xã T,

thành phố T, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 08/6/2017 và ngày 12/6/2017), (có mặt)

2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1955.

Địa chỉ: số nhà 127/4, ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3. Bà Lê Thị E, sinh năm 1961.

Địa chỉ: số nhà 177A3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

4. Bà Lê Thị Xuân I, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

5. Ông Lê Văn X, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 127/4, ấp 4, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

6. Bà Lê Thị Ê, sinh năm 1964. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 267/3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Văn X, bà Lê Thị Ê: Bà Trần Thị Như P, sinh năm 1965; địa chỉ: số nhà 127/4 ấp 4, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 07/9/2020). (có mặt)

Bị đơn: Bà Bùi Thị Kim C, sinh năm 1969. (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 276/3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Anh T – Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh T, đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Như P, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 127/4, ấp 4, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Lê Hoàng Â, sinh năm 1986.

Địa chỉ: số nhà 404D, đường C, phường 7, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

3. Ông Lê Phú C, sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 277, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện ủy quyền của ông Lê Hoàng Â, ông Lê Phú C: Bà Trần Thị Như P (văn bản ủy quyền ngày 19/11/2016 và văn bản ủy quyền ngày 11/01/2018), (có mặt).

4. Lê Quý V1, sinh năm 1998.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quý V1: Bà Bùi Thị Kim C sinh năm 1969 (văn bản ủy quyền ngày 30/01/2018), (có mặt).

5. Lê Thanh X1, sinh năm 2004.

Cùng địa chỉ: số nhà 276/3, ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Thanh X1: Bà Bùi Thị Kim C (có mặt).

6. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc K – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 16/5/2016) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Kim C là bị đơn và ông Trần Minh T1 là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lê Văn A (Phong, Vũ, Tâm) trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, các đồng nguyên đơn trình bày:

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn X là ông Nguyễn Tri T trình bày:*

Ông Lê Văn X là một trong 07 người con của cụ Huỳnh Thị K. Các con của cụ K gồm có: ông Lê Văn A, ông Lê Văn B, ông Lê Văn X, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Ê, bà Lê Thị Xuân I và ông Lê Khổng H.

Vào năm 2003, các anh em trong gia đình và mẹ ông là cụ Huỳnh Thị K có lập tờ thuận phân đồng ý cho ông Lê Khổng H phần tài sản gồm các thửa đất số 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất với điều kiện vợ chồng ông H phải phụng dưỡng cụ K vào những năm già yếu. Vợ chồng ông H quản lý sử dụng đến năm 2005 ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ các thửa đất trên.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng vào năm 2005, ông H bệnh chết, không để lại di chúc. Toàn bộ phần tài sản do bà C là vợ ông H tiếp tục quản lý sử dụng nhưng từ thời gian ông H chết, bà C không thực hiện tốt việc chăm sóc cụ K, những năm già yếu cụ K phải sang nhà cháu nội là Lê Phú C để sống. Năm 2009 sau một khoảng thời gian dài cụ K đã thương lượng với bà C để được nhận phần di sản của ông H để lại theo qui định của pháp luật nhưng bà C không đồng ý. Trong thời gian cụ K khởi kiện bà C yêu cầu chia thừa kế thì vào năm 2010 cụ K mất, ông X là một trong những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K. Ông X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của cụ Huỳnh Thị K yêu cầu hưởng một phần thừa kế trong khối di sản của ông H để lại, tài sản gồm có:

Đất và vật kiến trúc, cây trồng trên đất.

+ Đất thửa 167, diện tích thổ cư 200m^2, phần đất này là căn nhà của bà C và hai con của bà C là Lê Quí V1, Lê Thanh X1 đang quản lý sử dụng.

+ Đất thửa 168, diện tích 1.025,9m^2, phần đất này có một phần diện tích 281m^2 (thửa 168a) là căn nhà do gia đình ông X và vợ con là bà Trần Thị Như P,

Lê Phú C, Lê Hoàng Â sinh sống từ năm 1998 đến nay và đây cũng là căn nhà những năm tháng tuổi già cụ K sinh sống.

+ Đất thửa 152, diện tích 2.915,6m^2, phần đất này hiện do bà C quản lý sử dụng, trên đất có trồng dừa và bưởi. Theo ông X thì phần cây trồng này có nhiều cây do cụ K trồng, có nhiều cây do vợ chồng ông H trồng.

Tổng cộng diện tích của ba thửa đất là 4.144,50m^2 cùng tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Nguồn gốc tài sản này được ông X khẳng định đây là tài sản riêng của ông H, vì khi làm tờ thuận phân năm 2003 ý chí của mẹ ông và các anh em trong gia đình là cho riêng ông Lê Khổng H, nên hồ sơ xin xác lập quyền quản lý sử dụng cũng ghi tên cá nhân ông H. Vì đây là tài sản riêng của ông H nên bà C phải chia thừa kế theo pháp luật trên toàn bộ phần di sản của ông H để lại cụ thể như sau:

+ Thửa 168, thửa này các đồng thừa kế sẽ nhận hiện vật là phần đất thửa 168a diện tích ngang 5,5m, dài 52m, tổng diện tích là 286m^2.

+ Thửa 152, yêu cầu chia cho bà K 1.000m^2, phần đất này trước đây là ruộng sau này lên bờ trồng dừa, các đồng thừa kế sẽ tính giá trị cải tạo và quản lý đất cho bà C khi nhận đất, đồng ý bồi hoàn giá trị cây trồng là 20.000.000 đồng cho bà C.

+ Thửa 167, đất này là thổ cư nhà của bà C quản lý không yêu cầu chia đất mà nhận giá trị. Ông X đồng ý nhận theo giá trị Hội đồng định giá định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng P, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng T là ông Trần Minh T1 trình bày:

Ông đồng ý với lời trình bày của ông X về mối quan hệ gia đình và nguồn gốc di sản và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, nhưng riêng cách xác định toàn bộ phần di sản trên là tài sản riêng của ông H thì các đồng nguyên đơn do ông đại diện theo ủy quyền không thống nhất với lời trình bày của ông X các vấn đề sau:

Thứ nhất, vào năm 2003 khi cụ K lập tờ thuận phân cho ông H là thời điểm ông H đã có vợ và hai con nên tài sản vợ chồng ông H được cho tặng trong thời kỳ hôn nhân không thể xem là tài sản riêng được, theo ý kiến của các anh em đồng hàng thừa kế với ông X thì khẳng định rằng phần di sản này đã được tặng cho vợ chồng ông H và hai con, còn việc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2005 chỉ ghi tên riêng cá nhân ông Lê Khổng H là do biểu mẫu của Nhà nước. Khởi kiện ban đầu của cụ K không yêu cầu chia thừa kế thửa 167 nên không yêu cầu chia thừa kế thửa này.

Thứ hai, cách chia thừa kế theo pháp luật của các đồng thừa kế phần di sản của ông H là nên xác định phần nào là tài sản riêng của ông H trong khối tài sản chung của vợ chồng ông H và các con rồi mới chia kỷ phần thừa kế cho cụ K. Kỷ phần thừa kế đồng ý xác định theo giá mà Hội đồng định giá đã định, cụ thể các đồng thừa kế yêu cầu được nhận 1/16 giá trị quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 152, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre. Căn nhà

trên thửa đất số 167, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre là của cụ K cho ông H, sau đó ông H, bà C đã sửa chữa ngôi nhà lại như hiện nay, đây là căn nhà bà C và các con ông H sinh sống và thờ cúng ông H nên không đồng ý chia, phần cây trồng trên thửa đất số 152, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre là do ông H, bà C trồng và cây trồng nhỏ trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre là do ông H, bà C trồng và cây trồng lớn là do bà K trồng. Do đó, ông B, bà E, bà Ê, bà I, ông P, ông V, ông T, không yêu cầu chia cây trồng trên thửa đất số 152 và các tài sản, cây trồng trên thửa đất số 167, 168.

Thứ ba, các đồng nguyên đơn ông B, bà E, bà Ê, bà I, ông P, ông V, ông T đồng ý chia theo pháp luật phần di sản trên, yêu cầu được nhận phần di sản của cụ K bằng giá trị không yêu cầu nhận hiện vật. Giá trị một suất thừa kế cụ thể tính theo quy định của pháp luật.

Theo đơn phản tố, bản tự khai, các biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị Kim C trình bày:

Nguồn gốc phần di sản là tài sản chung của vợ chồng bà và các con của bà. Vào năm 2003, anh em trong gia đình và mẹ chồng bà là cụ Huỳnh Thị K có lập tờ thuận phân đồng ý cho ông Lê Khổng H phần tài sản gồm các thửa đất số 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất như lời trình bày của các đồng nguyên đơn là đúng. Bà đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật tài sản của chồng bà để lại, nhưng đồng ý theo cách chia của các đồng nguyên đơn do ông Trần Minh T1 làm đại diện ủy quyền, không đồng ý cách chia của đại diện ủy quyền của ông X vì theo bà đây là tài sản chung của vợ chồng và các con nên phải chia khi xác định phần tài sản riêng của ông H, còn lại là bao nhiêu sau khi đã chia tài sản chung cho vợ và hai con là Lê Quí V1 và Lê Thanh X1 và chỉ đồng ý chia giá trị. Phần công sức cải tạo, gìn giữ đất bà yêu cầu tính bằng một suất thừa kế.

Căn nhà trên thửa 168a, diện tích 281m^2 xác định theo kết quả đo đạc ngày 04/4/2015 thuộc một phần thửa 168, năm 2005 ông X đã ký với vợ chồng bà là ở nhờ trên đất. Bà yêu cầu gia đình bà P, ông X phải di dời căn nhà trên thửa 168a giao trả phần đất trên cho bà, bà đồng ý hỗ trợ phần di dời nhà.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng Â, ông Lê Phú C, đồng thời cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Như P trình bày:

Bà đồng ý về nguồn gốc di sản như lời trình bày của ông X và người đại diện theo ủy quyền của ông X đã trình bày. Bà là vợ ông X là dâu của cụ K, bà đồng ý trước đây vào năm 2003 gia đình cụ K đã cho các phần đất trên cho ông H nhưng với điều kiện vợ chồng ông H phải chăm sóc cụ K vào những năm tháng tuổi già nhưng do ông H đã chết trước cụ K. Vào những năm sau khi ông H mất, cụ K không được bà C chăm sóc như đã hứa, cụ K về sống chung với cháu nội là Lê Phú

C cho đến ngày cụ mất. Cụ K đã khởi kiện yêu cầu bà C giao lại phần thừa kế của cụ đối với phần di sản ông H để lại, ý chí cụ K là khi nhận phần di sản được chia từ di sản của ông H, cụ K sẽ cho hết phần này cho cháu nội là Lê Phú C để cháu phụng dưỡng bà lúc tuổi già và lo phần hương hỏa cho cụ. Vào ngày 03/6/2009, cụ K đã lập di chúc để lại toàn bộ phần di sản bà được hưởng thừa kế tặng cho cháu nội là Lê Quí C.

Đối với phần căn nhà nằm trên thửa 168a là do cụ K xây cất vào năm 1996, gia đình bà đã ở trên căn nhà này từ khi cụ K còn sống, trước đây là cái quán được dựng lên để mua bán sinh sống, bà C yêu cầu gia đình bà di dời để giao trả phần đất trên bà không đồng ý vì lúc còn sống cụ K đã cho gia đình bà căn nhà và phần đất này mà cụ thể là cho Lê Phú C, điều này đã được thể hiện rõ trong di chúc. Bà P không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà C, yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận di chúc của cụ K lập ngày 03/6/2009 có giá trị pháp lý, công nhận phần di sản của cụ K để lại cho Lê Phú C toàn quyền quản lý sử dụng.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Lê Quý V1, Lê Thanh X1 và là bị đơn bà Bùi Thị Kim C trình bày:

Bà là mẹ của Lê Thanh X1 và Lê Quí V1, theo ý chí của các con thì phần di sản của ông H để lại tiếp tục giao cho mẹ là bà C quản lý sử dụng, các con không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với phần thừa kế của bà nội các cháu là cụ K thì các cháu là hàng thừa kế thế vị của ông H nếu các đồng thừa kế của cụ K được hưởng thừa kế của cụ K thì cháu V1 và cháu X1 cũng có yêu cầu được hưởng một kỷ phần theo qui định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm (lần 1) số 57/2010/DS-ST ngày 29/11/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Huỳnh Thị K. Cụ thể tuyên:

Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị K được trọn quyền sử dụng phần đất và hoa màu trên đất thuộc các thửa 168A, 168B có tổng diện tích 281m2 và thửa 152A có diện tích 1.426m2 thuộc tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Đ, thành phố T.

Bà Bùi Thị Kim C và hai cháu Lê Quí V1 và Lê Thanh X1 được trọn quyền sử dụng phần đất và hoa màu trên đất thuộc các thửa 167 có diện tích 200m2, 168 có diện tích 744.9m2, 152 có diện tích 1.489,6m2 thuộc tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã Đ, thành phố T.

Các đồng thừa kế của bà Huỳnh Thị K phải trả cho bà Bùi Thị Kim C số tiền 20.839.500 đồng.

Tại bản án dân sự phúc thẩm (lần 1)số 34/2011/DS-PT ngày 24/3/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm (lần 1) số 57/2010/DS-ST ngày 29/11/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm (lần 2) số 77/2016/DS-ST ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Bùi Thị Kim C đối với các thửa đất số 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Khổng H để lại, cụ thể tuyên:

- Buộc bà Bùi Thị Kim C phải có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị K (những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị K là ông Lê Văn X, ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Ê, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Hoàng P, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng T, ông Lê Quý V1, cháu Lê Thanh X1 nhận) số tiền là 471.929.250 đồng.

- Buộc bà Bùi Thị Kim C có trách nhiệm trả cho ông Lê Quý V1 số tiền là 471.929.250 đồng.

- Buộc bà Bùi Thị Kim C có trách nhiệm trả cho cháu Lê Thanh X1 (ông Lê Quý V1 là người đại diện theo pháp luật nhận thay) số tiền là 471.929.250 đồng.

Bà Bùi Thị Kim C được trọn quyền sử dụng các thửa đất số 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên các phần đất này.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị Kim C. Buộc ông Lê Văn X, bà Trần Thị Như P, ông Lê Hoàng Â, ông Lê Phú C di dời nhà và toàn bộ tài sản trên đất trả lại cho bà Bùi Thị Kim C một phần đất thuộc thửa đất số 168a, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Tại bản án dân sự phúc thẩm (lần 2) số 75/2017/DS-PT ngày 17/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 77/2016/DS-ST ngày 19/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm (lần 3) số 42/2018/DS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Áp dụng Điều 631, 634, 649, 652, 653, 657, 674, 675, 676, 685 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Khổng H để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Phú C về việc công nhận di chúc ngày 03/6/2009 của cụ Huỳnh Thị K có hiệu lực.

Buộc bà Bùi Thị Kim C phải giao phần di sản của cụ Huỳnh Thị K được hưởng cho ông Lê Phú C theo di chúc đã lập ngày 03/6/2009 cụ thể như sau:

+ Giá trị tài sản của hai thửa 167, 152 số tiền là 412.479.400 đồng.

+ Phần đất tại thửa 168 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre, ông Lê Phú C được nhận phần đất tại thửa 168a diện tích theo hiện trạng sử dụng là 281m2 (có họa đồ kèm theo).

Bà Bùi Thị Kim C, ông Lê Quí V1 và Lê Thanh X1 được toàn quyền sử dụng phần đất tại các thửa 167, 152 và một phần còn lại của thửa 168 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Bà Bùi Thị Kim C liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 168 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Ông Lê Phú C liên hệ cơ quan chức năng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C về việc yêu cầu tính phần công sức đóng góp là một kỷ phần thừa kế.

Tại Bản án số 265a/2018/DS-PT ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Kim C. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh T1 (là người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà): (Lê Hoàng P, Lê Hoàng V, Lê Hoàng T, Lê Văn B, Lê Thị E, Lê Thị Xuân I).

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Cụ thể tuyên:

Áp dụng Điều 631, 634, 649, 652, 653, 657, 674, 675, 676, 685 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Khổng H để lại.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phú C về việc công nhận di chúc ngày 03/6/2009 của cụ Huỳnh Thị K có hiệu lực.

Buộc bà Bùi Thị Kim C phải giao phần di sản của cụ Huỳnh Thị K được hưởng cho ông Lê Phú C theo di chúc đã lập ngày 03/6/2009 cụ thể như sau:

+ Giá trị tài sản của các thửa 167, 152, 168 số tiền là 496.732.000 đồng.

+ Giá trị căn nhà trên thửa 168a số tiền là 31.742.000 đồng.

Tổng cộng là 528.474.000 đồng (Năm trăm hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C. Bà Bùi Thị Kim C, Lê Quí V1 và Lê Thanh X1 được toàn quyền sử dụng phần đất tại các thửa 152, 167, 168, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên các phần đất này.

Buộc ông Lê Văn X, bà Trần Thị Như P, ông Lê Hoàng Â, ông Lê Phú C phải giao phần đất có diện tích 281m2 và nhà thuộc thửa 168a, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre cho bà Bùi Thị Kim C, Lê Quí V1 và Lê Thanh X1, (có họa đồ kèm theo).

Ông Lê Phú C, ông Lê Văn X, bà Trần Thị Như P, ông Lê Hoàng Â được lưu cư trong vòng 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C về việc yêu cầu tính phần công sức đóng góp là một kỷ phần thừa kế.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X là một trong những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Bùi Thị Kim C đối với các thửa đất 152, 167, 168, bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 143/2020/DS-GĐT ngày 09/7/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận kháng nghị số 61/2020/KN-DS ngày 20/4/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy Toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 265a/2018/DS-PT ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về vụ án "Tranh chấp di sản thừa kế" giữa nguyên đơn là bà Huỳnh Thị K (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K là ông Lê Văn A, ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Văn X, bà Lê Thị Ê với bị đơn là bà Bùi Thị Kim C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Như P, ông Lê Hoàng Â, ông Lê Phú C, anh Lê Quý V1, anh Lê Thanh X1 và Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bến Tre; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên Toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hoàng P, Lê Hoàng V và Lê Hoàng T là ông Trần Minh T1 trình bày: Nguyên đơn yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án vì cụ K đã chết, nhu cầu dưỡng già và sử dụng đất của cụ K không còn nữa. Mặc dù pháp luật chưa quy định và chưa có án lệ nhưng nếu tiếp tục xét xử vụ án thì sẽ ảnh hưởng đến đạo đức xã hội và tập quán chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bà C kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác yêu cầu độc lập của Lê Phú C. Theo án lệ số 24 năm 2018 về di sản thừa kế được chuyển thành tài sản của cá nhân thì không có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà đất. Do đó, nguyên đơn chỉ được yêu cầu đòi lại đất được chia mà không được yêu cầu chia di sản thừa kế. Ông Lê Văn X có thỏa thuận với ông Lê Khổng H với nội dung năm 2010 ông X có nghĩa vụ tháo dỡ nhà trả đất cho ông H nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông X vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì di sản của cụ K đã chuyển thành tài sản của cá nhân bà C. Đất tranh chấp là tài sản chung của ông H, bà C. Yêu cầu phản tố của bị đơn được nhận một kỷ phần thừa kế là có cơ sở vì bị đơn đã có nhiều công sức trong quá trình cải tạo, giữ gìn đất. Yêu cầu độc lập của anh Cần trái với di chúc của cụ K vì di chúc không nêu thửa nào, bản án sơ thẩm chưa phải là bản án có hiệu lực pháp luật nên di chúc của cụ K là không hợp lệ. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và bác yêu cầu độc lập của anh Lê Phú C.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông T1 là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Phong, Vũ, Tâm, Bê, E, Ê, Ích kháng cáo đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án do không còn yêu cầu khởi kiện vì cụ K đã chết. Tuy nhiên, các ông bà Bê, E, Ê, Ích hiện nay không ủy quyền cho ông T1 nữa. Ông X và các ông bà Bê, E, Ê, Ích cùng ủy

quyền cho bà P tham gia tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà P với tư cách được ủy quyền của các ông bà X, Bê, E, Ê, Ích đã rút kháng cáo. Do vậy, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của những người này. Riêng kháng cáo của ông T1 với tư cách là đại diện theo ủy quyền của anh P, Vũ, Tâm là không có cơ sở vì cụ K là nguyên đơn khởi kiện. Cụ K chết thì những người thừa kế của cụ K được quyền kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K theo quy định của pháp luật. Trong số những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K thì ông X vẫn còn yêu cầu chia thừa kế. Bà Kim Cương kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K và không chấp nhận yêu cầu độc lập của người liên quan Lê Phú C là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Kim C;
- Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Minh T1 là đại diện theo ủy quyền của các anh P, Vũ, Tâm;
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 42/2018/DSST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre nhưng có điều chỉnh kỷ phần thừa kế bằng giá trị theo kết quả định giá mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Huỳnh Thị K yêu cầu chia một phần di sản thừa kế của ông Lê Khổng H để lại là thửa đất số 152, 168 tờ bản đồ số 8 tại xã Đ. Ông Lê Văn X yêu cầu chia di sản là thửa đất số 167. Bị đơn bà Bùi Thị Kim C đồng ý chia thừa kế theo pháp luật là thửa đất số 152, 167 và 168. Đồng thời, nếu phải chia thừa kế thì phần công sức cải tạo giữ gìn đất bà yêu cầu tính bằng một kỷ phần thừa kế.

[2] Tại biên bản làm việc ngày 01/10/2018 bà Lê Thị Ê trình bày: Bà không kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T và bà không còn ủy quyền cho ông Trần Minh T1. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét nội dung đơn kháng cáo của ông Trần Minh T1 đối với phần yêu cầu của bà Lê Thị Ê. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của

nguyên đơn là ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Văn X, bà Lê Thị Ê đã có văn bản ủy quyền cho bà Trần Thị Như P tham gia tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà P rút kháng cáo của ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Văn X, bà Lê Thị Ê. Căn cứ khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Văn X, bà Lê Thị Ê.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Phú C có đơn yêu cầu giải quyết bổ sung với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế cho anh Cần bằng hiện vật tại thửa 152. Tuy nhiên, anh Cần không kháng cáo bản án sơ thẩm nội dung trên trong thời hạn quy định đối với bản án sơ thẩm đã tuyên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nguồn gốc đất: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Huỳnh Thị K, bị đơn bà Bùi Thị Kim C và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thống nhất thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 167, 168 và 152 tờ bản đồ số 08 xã Đ, thành phố T có nguồn gốc là của cụ Huỳnh Thị K. Năm 2003 cụ K cùng các con lập tờ thuận phân đồng ý cho ông Lê Khổng H các thửa đất trên. Vợ chồng ông H quản lý, sử dụng đất đến năm 2005 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Khổng H. Bà C cho rằng các thửa đất tranh chấp là tài sản chung của bà Và ông H vì cụ K cho chung cả hai vợ chồng. Tuy nhiên, theo nội dung tờ thuận phân lập ngày 08/8/2003 thể hiện cụ K và các con thống nhất chỉ cho ông H các thửa đất 167, 168 và 152. Tại bản tự khai ngày 11/3/2009, bà Kim Cương cũng xác định năm 2003, cụ K và các anh chị có cho chồng tôi... 4.141,9m^2 đất. Ngoài ra, căn cứ hồ sơ đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất của bà Kim Cương thì nguồn gốc đất được kê khai là cha mẹ cho con nay chuyển vợ thừa kế. Do đó, có căn cứ để xác định các thửa đất tranh chấp là tài sản riêng của ông H, được cụ K và các anh chị em thuận phân cho ông H. Hội đồng xét xử xác định các thửa đất số 152, 167, 168 và các tài sản trên đất là di sản thừa kế của ông Lê Khổng H để lại.

[5] Về hàng thừa kế: Năm 2005 ông Lê Văn Học chết không để lại di chúc. Các thửa đất số 167,168 và 152 tờ bản đồ số 08 xã Đ, thành phố T do bà C là vợ ông H tiếp tục quản lý. Năm 2009 cụ K khởi kiện yêu cầu được chia kỷ phần di sản của ông H. Tại điểm a, khoản 1, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 quy định "… Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết…". Cha ông H đã chết, nên hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm: Mẹ là cụ Huỳnh Thị K, vợ là bà Bùi Thị Kim C và hai con là Lê Quý V1 và

Lê Thanh X1. Ông H chết không để lại di chúc, do đó yêu cầu của cụ K về việc chia di sản của ông H là có căn cứ.

[6] Thửa đất số 167,168 và 152 tờ bản đồ số 08 xã Đ do vợ chồng ông H, bà C sử dụng từ năm 2003. Trong quá trình sử dụng đất thì bà C có cải tạo, tu bổ làm tăng giá trị đất nên yêu cầu của bà C về việc chia phần công sức cải tạo, giữ gìn đất bằng một kỷ phần thừa kế là có căn cứ. Do đó, phần di sản của ông H sẽ được chia thành 05 phần, trong đó bà C 02 phần còn cụ K và anh Văn, anh Xuân mỗi người nhận một phần.

[7] Ngày 03/6/2009 cụ K lập di chúc để lại toàn bộ tài sản được hưởng cho cháu nội là anh Lê Phú C. Cụ K là hàng thừa kế thứ nhất của ông H nên cụ K có yêu cầu được chia một phần di sản của ông H là có căn cứ. Đồng thời, cụ K cũng có quyền lập di chúc cho anh Cần phần tài sản mà cụ được chia từ di sản của ông H để lại. Di chúc của cụ K lập ngày 03/6/2009 có nội dung thể hiện ý chí của cụ K là giao toàn bộ tài sản cụ được chia cho anh Cần. Tại thời điểm lập di chúc cụ K có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị lừa dối, đe dọa, nội dung di chúc không trái pháp luật. Theo nội dung di chúc cũng nêu rõ điều kiện của di chúc là căn cứ vào quyết định bản án cuối cùng của Tòa án phần tài sản cụ K được hưởng sẽ giao cho anh Cần. Tại khoản 2, Điều 105 Bộ luật dân sự 2015 quy định "…Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.". Tại điểm a, điểm b Khoản 2, Điều 108 Bộ luật dân sự 2015 cũng quy định "…Tài sản hình thành trong tương lai bao gồm: Tài sản chưa hình thành; Tài sản đã hình thành nhưng chủ thể xác lập quyền sở hữu tài sản sau thời điểm xác lập giao dịch…".

Do đó, căn cứ vào quy định pháp luật thừa kế thì cụ K sẽ được chia 01 phần di sản của ông H là tài sản hình trong tương lai của cụ K, nay cụ K đã chết nên việc anh Cần có yêu cầu độc lập yêu cầu công nhận di chúc cụ K được Tòa sơ thẩm chấp nhận đồng thời giao phần tài sản của cụ K được hưởng cho anh Cần là phù hợp.

[8] Xét về nhu cầu sử dụng đất thực tế: Thửa đất số 168a và căn nhà trên đất có diện tích 281m^2 do cụ K xây dựng từ năm 1996, gia đình anh Cần sinh sống trên căn nhà này cùng cụ K từ khi cụ K còn sống. Sau khi cụ K chết thì gia đình ông X gồm ông Lê Văn X, bà Trần Thị Như P, anh Lê Phú C và anh Lê Hoàng Â tiếp tục sử dụng và quản lý nhà. Hiện tại, gia đình bà P vẫn đang ở trên thửa đất 168a và căn nhà trên đất. Ngoài phần đất này ra thì bà P, anh Cần, anh Â không có chỗ ở nào khác. Xét thấy, thửa đất 168a có diện tích 281m^2 là thấp hơn mức diện tích tối

thiểu tách thửa theo Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 và Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, căn cứ quá trình sử dụng đất và nhu cầu sử dụng đất của gia đình anh Cần, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải tách thửa để giao cho anh Cần phần đất thuộc thửa 168a có diện tích 281m^2 là phù hợp. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu công nhận di chúc và chia di sản mà cụ K được hưởng cho anh Cần bằng hiện vật là phù hợp.

[9] Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, anh Lê Phú C có đơn yêu cầu định giá lại các thửa đất số 152, 167, 168 và nhà trên đất, không yêu cầu định giá lại các các vật kiến trúc khác và cây trồng có trên đất. Các đương sự thống nhất hiện trạng đất và tài sản trên đất tranh chấp giữ nguyên như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2017. Theo kết quả định giá ngày 23/9/2020, kết quả đo đạc ngày 28/5/2012 đối với thửa 152, 168, 168a và kết quả đo đạc ngày 04/4/2015 đối với thửa 167 thì phần di sản của ông H để lại được chia như sau:

- Thửa đất số 167 có diện tích 200m^2, có giá 3.500.000đ/m^2, thành tiền là 700.000.000 đồng. Trị giá nhà trên đất là 94.127.000 đồng. Tổng giá trị nhà và đất là 794.127.000 đồng nên mỗi kỷ phần thừa kế được nhận số tiền là 158.825.000 đồng (794.127.000đ : 5).

- Thửa đất số 168 có diện tích 1.073,2m^2, trong đó thửa 168a có diện tích 281m^2 do bà P đang sử dụng, phần còn lại của thửa 168 do gia đình bà C đang sử dụng có diện tích 791,2m^2. Giá đất là 2.500.000đ/m^2, thành tiền là 2.683.000.000 đồng (1.073,2m^2 x 2.500.000đ/m^2). Cây trồng trên đất trị giá 42.120.000 đồng. Tổng giá trị đất và cây trồng của thửa 168 là 2.725.120.000 đồng (2.683.000.000đ + 42.120.000đ). Mỗi kỷ phần thừa kế được nhận là 545.024.000 đồng (2.725.120.000đ : 5). Do nhu cầu sử dụng đất, nhà của gia đình ông X, bà P là cần thiết nên giao phần đất số 168a có diện tích 281m^2 cho gia đình ông X là phù hợp. Mỗi kỷ phần thừa kế được nhận phần đất có diện tích là 214,64m^2 (1.073,2m^2 : 5), thành tiền là 536.600.000 đồng (214,64m^2 x 2.500.000đ/m^2). Phần đất gia đình ông X sử dụng lớn hơn diện tích mỗi kỷ phần được chia là 66,36m^2 nên phải hoàn lại cho các đồng thừa kế còn lại số tiền là 165.900.000 đồng (66,36m^2 x 2.500.000đ/m^2).

- Thửa đất số 152 có diện tích 2.868m^2. Thửa đất này do gia đình bà C sử dụng ổn định nên chia kỷ phần của thửa đất bằng giá trị cho các nguyên đơn là phù hợp. Giá trị đất là 300.000đ/m^2, thành tiền là 860.400.000 đồng (2.868m^2 x

300.000đ/m^2). Giá trị cây trồng trên đất là 114.000.000 đồng. Tổng giá trị đất và cây trồng trên đất là 974.400.000 đồng, mỗi suất thừa kế được nhận số tiền 194.880.000 đồng (974.400.000đ : 5).

[10] Chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 7.142.000 đồng, ông Lê Văn X đã quyết toán xong. Mỗi kỷ phần thừa kế phải chịu số tiền là 1.428.000 đồng. Anh Lê Phú C đã tạm ứng số tiền 1.500.000 đồng nên ông Lê Văn X phải hoàn trả cho anh Cần số tiền 72.000 đồng. Bà Bùi Thị Kim C phải hoàn lại cho ông Lê Văn X số tiền 5.714.000 đồng.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch:

Tổng giá trị tài sản anh Lê Phú C được nhận là 898.729.000 đồng (158.825.000đ + 545.024.000đ + 194.880.000đ). Số tiền án phí anh Cần phải chịu là 38.961.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013184 ngày 23/10/2017 và số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 008213 ngày 11/02/2009. Anh Lê Phú C còn phải nộp số tiền là 36.911.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm mười một ngàn đồng).

Bà Bùi Thị Kim C phải chịu án phí là 77.922.000 đồng (38.961.000đ x 2) nhưng được khấu trừ vào số tiền 562.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003449 ngày 30/6/2011 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 00812 ngày 09/12/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà Bùi Thị Kim C còn phải nộp số tiền 77.159.500 đồng (Bảy mươi bảy triệu một trăm năm mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Anh Lê Quí V1 phải chịu án phí là 38.961.000 đồng (ba mươi tám triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

Anh Lê Thanh X1 được miễn nộp án phí (dưới 18 tuổi).

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng bản án sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ K, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà C và chấp nhận yêu cầu độc lập của ông C là có căn cứ. Kháng cáo của đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là ông Trần Minh T1, bị đơn bà Bùi Thị Kim C là không có cơ sở.

Do giá trị đất và nhà thay đổi nên Hội đồng xét xử điều chỉnh một phần bản án sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre về giá trị mà mỗi kỷ phần thừa kế được nhận.

Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không được chấp nhận. Bởi lẽ, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C là không đúng qui định pháp luật. Các thửa đất số 152, 167 và 168 được tặng cho riêng ông H và thực tế khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng đứng tên cá nhân ông H. Di chúc của cụ K tặng cho anh Cần phần di sản của ông H mà cụ K được chia là định đoạt tài sản hình thành trong tương lai và phù hợp quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Văn X, bà Lê Thị Ê.

Áp dụng khoản 1, Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là ông Trần Minh T1, bị đơn bà Bùi Thị Kim C; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2018/DS-ST ngày 28/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

Áp dụng Điều 631, 634, 649, 652, 653, 657, 674, 675, 676, 685 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Khổng H để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C về việc yêu cầu tính phần công sức đóng góp là một kỷ phần thừa kế.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Phú C về việc công nhận di chúc ngày 03/6/2009 của cụ Huỳnh Thị K có hiệu lực.

Buộc bà Bùi Thị Kim C phải giao phần di sản của cụ Huỳnh Thị K được hưởng cho anh Lê Phú C theo di chúc đã lập ngày 03/6/2009 cụ thể như sau:

+ Giá trị tài sản của thửa 167, 152 số tiền là 353.705.000 đồng (158.825.000đ +194.880.000đ). Sau khi trừ đi số tiền 165.900.000 đồng thì ông C được nhận là 187.805.000 đồng (353.705.000đ – 165.900.000đ)

+ Thửa đất số 168 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre, ông Lê Phú C được nhận phần đất tại thửa 168a diện tích theo hiện trạng sử dụng là 281m^2 (có họa đồ kèm theo).

Bà Bùi Thị Kim C, ông Lê Quí V1 và Lê Thanh X1 được toàn quyền sử dụng phần đất tại các thửa 167, 152 và một phần còn lại của thửa 168 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất các các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Bà Bùi Thị Kim C liên hệ cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 168 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố T căn cứ vào quyết định của bản án để tách thửa 168a tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 3, xã Đ, thành phố T, tỉnh Bến Tre cho anh Lê Phú C.

Anh Lê Phú C liên hệ cơ quan chức năng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 7.142.000 đồng, ông Lê Văn X đã quyết toán xong. Mỗi kỷ phần thừa kế phải chịu số tiền là 1.428.000 đồng. Anh Lê Phú C đã tạm ứng số tiền 1.500.000 đồng nên ông Lê Văn X phải hoàn trả cho anh Cần số tiền 72.000 đồng. Bà Bùi Thị Kim C phải hoàn lại cho ông Lê Văn X số tiền 5.714.000 đồng.

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch:

Tổng giá trị tài sản anh Lê Phú C được nhận là 898.729.000 đồng (158.825.000đ + 545.024.000đ + 194.880.000đ). Số tiền án phí anh Cần phải chịu là 38.961.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0013184 ngày 23/10/2017 và số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số 008213 ngày 11/02/2009. Anh Lê Phú C còn phải nộp số tiền là 36.911.000 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm mười một ngàn đồng).

Bà Bùi Thị Kim C phải chịu án phí là 77.922.000 đồng (38.961.000đ x 2) nhưng được khấu trừ vào số tiền 562.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003449 ngày 30/6/2011 và số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 00812 ngày 09/12/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Bà Bùi Thị Kim C

còn phải nộp số tiền 77.159.500 đồng (Bảy mươi bảy triệu một trăm năm mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Anh Lê Quí V1 phải chịu án phí là 38.961.000 đồng (ba mươi tám triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn đồng).

Anh Lê Thanh X1 được miễn nộp án phí (dưới 18 tuổi).

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Hoàng P, ông Lê Hoàng V, ông Lê Hoàng T, ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Ê, bà Lê Thị Xuân I phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0017206 ngày 11/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre là đủ.

Bà Bùi Thị Kim C phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0017341 ngày 11/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND thành phố Bến Tre;*
- *Chi cục THADS thành phố Bến Tre;*
- *Phòng KTNV;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**

Lê Minh Đạt **Phạm Kim Của** **Lê Văn Phận**